TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH VĨNH LONG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 06/2022/HNGĐ-PT
Ngày: 14 - 3 - 2022
V/v tranh chấp chia tài sản chung sau khi ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH VĨNH LONG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Tư

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Hữu Tuấn

Ông Lê Nguyên Khoa

- Thư ký phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Kim Ni – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Long: Bà Trần Thị Trúc Lâm – Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 14 tháng 3 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 01/2022/TLPT – HNGĐ ngày 26 tháng 01 năm 2022 về "Tranh chấp chia tài sản chung sau khi ly hôn".

Do Bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số: 72/2021/HNGĐ-ST ngày 01 tháng 7 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện Z, tỉnh Vĩnh Long bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm: 02/2022/QĐ-PT ngày 09 tháng 02 năm 2022, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Bà Lê Thị T, sinh năm 1975 (Có mặt).

Địa chỉ: Ấp X, xã Y, huyện Z, tỉnh Vĩnh Long.

Tạm trú: Ấp X1, xã Y1, huyện Z1, tỉnh Vĩnh Long.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông Phạm Trung Đ, sinh năm 1957 (Có mặt).

Địa chỉ: Số 19, đường X2, phường Y2, thành phố Z2, tỉnh Vĩnh Long.

(Theo văn bản ủy quyền ngày 05/5/2017).

- *Bị đơn*: Ông Thái Văn Bé C, sinh năm 1976 (Có mặt).

Địa chỉ: Ấp X, xã Y, huyện Z, tỉnh Vĩnh Long.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Bà Lê Thị S, sinh năm 1936 (Vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp X, xã Y, huyện Z, tỉnh Vĩnh Long.

Người đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Lê Thị S là bà Lê Thị M, sinh năm 1958 (Có mặt).

Địa chỉ: Số 91, X2, Phường Y2, Thành phố Z2, tỉnh vĩnh Long.

2. Ông Thái Văn T, sinh năm 1974 (Vắng mặt).

3. Ông Thái Văn B, sinh năm 1971 (Vắng mặt).

4. Ông Thái Ngọc L, sinh năm 1980 (Vắng mặt).

Cùng địa chỉ: Ấp X, xã Y, huyện Z, tỉnh Vĩnh Long.

5. Ông Thái Ngọc Th, sinh năm 1978 (Vắng mặt).

Địa chỉ: Số 119/10 Ấp X1, xã Y1, huyện Z1, tỉnh Vĩnh Long.

6. Ông Thái Thị Thanh Th1, sinh năm 1982 (Vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp X3, xã Y3, huyện Z, tỉnh Vĩnh Long.

7. Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam.

Trụ sở: Số X4, phường Y4, quận Z4, Thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Tiết Văn Th3 – Chức vụ: Tổng giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Lê Văn B2 - Chức vụ: Giám đốc Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam – Chi nhánh huyện Z.

Người đại diện theo ủy quyền của ông Lê Văn B2: Ông Nguyễn Văn Kh – Chức vụ: Giám đốc phòng giao dịch Y5 trực thuộc Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam – Chi nhánh huyện Z (Vắng mặt).

8. Thái Hoàng Ph, sinh năm 1999 (Vắng mặt).

9. Thái Hoàng V, sinh năm 2003 (Vắng mặt).

Địa chỉ thường trú: Ấp X, xã Y, huyện Z, tỉnh Vĩnh Long.

Địa chỉ liên lạc: Ấp X1, xã Y1, huyện Z1, tỉnh Vĩnh Long.

Do có kháng cáo của: Bà Lê Thị T – Là nguyên đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**Tại đơn khởi kiện, trong quá trình giải quyết nguyên đơn Lê Thị T trình bày như sau:*

Bà T và ông Bé C đã ly hôn theo Quyết định số 30/2017/QĐST-HNGĐ ngày 20/01/2017 của Tòa án nhân dân huyện Z. Nay bà T khởi kiện yêu cầu chia tài sản chung sau ly hôn: Năm 1998 bà T và ông Bé C cưới nhau đến năm 2001 hai vợ chồng ra ở riêng và canh tác phần đất ông Thái Văn Ch cho tại thửa 96, diện tích 2252,9m^2; thửa 116, diện tích 1042,7m^2; thửa 190, diện tích 326,2m^2, khi cho chỉ nói miệng, đất do ông Thái Văn Ch đứng tên và có 01 máy cày Kubota L3602DT. Năm 2005 ông Thái Văn Ch mất, đến năm 2011 bà và ông Bé C về sống chung với mẹ chồng bà Lê Thị S, khi đó bà T và ông Bé C vẫn còn đang canh tác nhưng bà T đi làm tại công ty Tỷ Xuân. Đến khi ông Bé C ly hôn thì bà T không canh tác nữa. Sau khi ông Thái Văn Ch mất bà S sang tên thừa kế toàn bộ các thửa đất. 03 thửa đất ông Thái Văn Ch và bà S cho ông Bé C và bà T mặc dù chưa sang tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nhưng đã đo đạc theo chương trình Vlap do ông Bé C và bà T kê khai nên bà T yêu cầu chia tài sản chung như sau:

- Đối với quyền sử dụng đất:

+ Thửa đất số 96, yêu cầu được nhận 1.126,45m^2 trong tổng diện tích 2.252,9m^2 tờ bản đồ số 12, loại đất lúa.

+ Thửa đất số 116,yêu cầu được nhận 521,35m^2 trong tổng diện tích 1.042,7m^2, tờ bản đồ số 12, loại đất lúa.

+ Thửa đất số 190,yêu cầu được nhận 163,1m^2, trong tổng diện tích 326,2m^2 tờ bản đồ số 12, loại đất ở nông thôn.

Các thửa đất cùng tọa lạc tại Ấp X, xã Y, huyện Z, tỉnh Vĩnh Long.

- Đối với chiếc máy cày Kubota L3602DT, bà T thống nhất việc ông Bé C đã bán với giá là 60.000.000 đồng, trong đó phần hùn ông Bé C, bà T là 30.000.000 đồng nên yêu cầu được nhận ½ phần tiền là 15.000.000 đồng. Ngoài ra không yêu cầu gì thêm.

** Bị đơn Thái Văn Bé C trình bày:*

Sau khi bà T và ông Bé C ly hôn, vào ngày 10/4/2017 bà Lê Thị T đã nhận số tiền chia tài sản chung sau khi ly hôn là 59.500.000 đồng và 3,5 chỉ vàng 24K, bà T có cam kết không yêu cầu chia tài sản trong vụ án ly hôn. Do đó, bà T yêu cầu chia đôi quyền sử dụng đất thửa 96, 116, 190 thì ông Bé C không đồng ý chia vì phần đất này là của ông Thái Văn Ch, bà Lê Thị S (cha mẹ ruột của ông Bé C) giao cho canh tác để có gạo ăn trong thời gian vợ chồng ra ở riêng chứ không cho vợ chồng. Sau khi ông Thái Văn Ch chết bà S nhận thừa kế quyền sử dụng đất và đã thế chấp tại Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Vĩnh Long – Phòng

giao dịch xã Song Phú để vay vốn từ năm 2007 cho đến nay. Sau khi cha chết thì ông Bé C và bà T đã về sống chung nhà với bà S để chăm lo cho bà S cũng như thờ cúng ông bà. Bà S giao đất cho ông Bé C canh tác nhưng huê lợi từ việc canh tác giao lại cho bà S quản lý, ông Bé C chạy xe ôm, bà T làm công nhân, thu nhập của vợ chồng sử dụng vào việc chăm lo cho con, mua xe cho bà T và con.

Đối với máy cày Kubota L.3602DT, ông Bé C không có góp vốn với ông Thái Văn T để mua như bà T trình bày. Nguồn tiền để mua là của bà Lê Thị S vay Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn - Phòng giao dịch Song Phú vào năm 2013 số tiền 150.000.000 đồng, ông T và bà S là người trực tiếp đi mua với giá 120.000.000 đồng, do mua máy cũ nên không có hóa đơn, ông Bé C và ông T đang quản lý sử dụng máy, tiền thu được thì giao cho bà S quản lý và đóng tiền lãi suất cho Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn - Phòng giao dịch Song Phú. Hiện nay bà S đã bán với giá 60.000.000 đồng. Do đó, không đồng ý chia theo yêu cầu của bà T.

**Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Lê Thị S có bà Lê Thị M là đại diện theo ủy quyền trình bày:*

Bà S không đồng ý chia phần đất tại các thửa 96, diện tích 2252,9m^2; thửa 116, diện tích 1042,7m^2; thửa 190, diện tích 326,2m^2 cùng tọa lạc tại Ấp X, xã Y, huyện Z, tỉnh Vĩnh Long theo yêu cầu của bà T, vì phần đất này bà S không cho vợ chồng ông Bé C, bà T mà chỉ giao làm để phục vụ kinh tế chung cho gia đình. Sau khi ông Thái Văn Ch chết bà S đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo thủ tục thừa kế quyền sử dụng đất. Về máy Kubota L.3602DT là do bà S vay tiền của Ngân hàng là 150.000.000 đồng để mua, bà S và ông T là người trực tiếp mua với giá là 120.000.000 đồng, do mua máy cũ nên không có hóa đơn, còn bà T trình bày là mua với giá 180.000.000 đồng là không đúng sự thật. Sau khi mua máy thì giao cho ông T và ông Bé C sử dụng, tiền chạy máy cày thì giao cho bà S quản lý và đóng tiền lãi suất cho Ngân hàng, hiện nay cũng đã bán với giá 60.000.000 đồng. Nay bà S không đồng ý với yêu cầu chia tài sản chung của bà T.

**Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Thái Văn T trình bày:*

Máy Kubota L.3602DT là do bà S vay tiền của Ngân hàng là 150.000.000 đồng để mua, bà S và ông T là người trực tiếp đi mua với giá là 120.000.000 đồng, do mua máy cũ nên không có hóa đơn. Bà T, ông Bé C không có hùn tiền cùng mua.

Ông Thái Văn Ch chết có để lại phần đất thửa 171, diện tích 19.430m^2, thửa 173, diện tích 690m^2, thửa 174, diện tích 2.730m^2 hiện do bà Lê Thị S đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, phần đất này ông T không có quản lý sử dụng, nhưng cha mẹ có nói ai nghèo thì cho mượn làm. Về phần đất mà bà T yêu cầu chia tại các thửa 96, 116 hiện do bà S đứng tên và đang thế chấp tại Ngân hàng nông nghiệp và phát nông thôn Việt Nam - Phòng giao dịch xã Song Phú. Trong vụ việc tranh chấp này ông T không có yêu cầu độc lập và thống nhất theo ý kiến của bà S.

**Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Thái Văn B trình bày:*

Việc vợ chồng ông Bé C và ông T có hùn tiền mua máy Kubota L.3602DT hay không thì ông không biết. Về quyền sử dụng đất do ông Thái Văn Ch chết để lại phần đất thửa 171, diện tích 19.430m^2, thửa 173, diện tích 690m^2, thửa 174, diện tích 2.730m^2 hiện do bà Lê Thị S đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và chưa chia cho các con, phần đất này ông B đang canh tác 03 công đất ruộng thửa 171 và 01 công đất vườn có gắn nền nhà hiện tại ông đang sinh sống nhưng phần đất này bà S vẫn còn đang đứng tên. Về phần đất mà bà T yêu cầu chia tại các thửa 96, thửa 116, thửa 190 hiện do bà S đứng tên và đang thế chấp tại Ngân hàng nông nghiệp và phát nông thôn Việt Nam - Phòng giao dịch xã Song Phú. Ông B không có ý kiến gì về yêu cầu của bà T và thống nhất theo ý kiến của bà S.

**Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Thái Ngọc L, Thái Thị Thanh Th1, Thái Ngọc Thanh cùng trình bày:*

Việc vợ chồng ông Bé C và ông T có hùn tiền mua máy Kubota L.3602DT hay không thì không biết.

Ông Thái Văn Ch chết có để lại phần đất thửa 171, diện tích 19.430m^2, thửa 173, diện tích 690m^2, thửa 174, diện tích 2.730m^2 hiện do bà Lê Thị S đứng tên và chưa chia cho các con. Phần đất này bà Lan, Th1, Thanh không có canh tác vì đã lấy chồng rồi về bên chồng sinh sống nên không biết. Về phần đất mà bà T yêu cầu chia tại các thửa 96, 116, 190 hiện do bà S đứng tên và đang thế chấp tại Ngân hàng nông nghiệp và phát nông thôn Việt Nam - Phòng giao dịch xã Song Phú. Bà Lan, Th1, Thanh không có ý kiến gì về yêu cầu của bà T và thống nhất theo ý kiến của bà S.

**Tại Bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số: 72/2021/HNGĐ-ST ngày 01 tháng 7 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện Z, tỉnh Vĩnh Long đã quyết định như sau:*

Căn cứ vào các Điều 28, Điều 35, Điều 147, Điều 157, Điều 158, Điều 165, Điều 166, Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 503 Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 95, Điều 168, Điều 188 Luật Đất đai 2013; Các Điều 59, Điều 61, Điều 62 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Điểm a khoản 7 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Tuyên xử:

Không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Lê Thị T.

Ngoài ra, án sơ thẩm còn tuyên về chi phí khảo sát, đo đạc, thẩm định tại chỗ và định giá tài sản; về án phí và quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định của pháp luật.

- Ngày 12/7/2021 nguyên đơn Lê Thị T kháng cáo bản án sơ thẩm với nội dung: Yêu cầu chia đôi 03 thửa đất gồm: thửa 96, tờ bản đồ số 12, diện tích 2.252,9m^2; thửa 116, tờ bản đồ số 12, diện tích 1.042,7m^2; thửa 190, tờ bản đồ số 12, diện tích 326,2m^2, các thửa đất tọa lạc Ấp X, xã Y, huyện Z, tỉnh Vĩnh Long. Yêu cầu chia cho bà T số tiền bán máy cày là 7.500.000đồng.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Nguyên đơn Lê Thị T và người đại diện theo ủy quyền ông Phạm Trung Đ giữ nguyên yêu cầu kháng cáo, yêu cầu chia đôi 03 thửa đất gồm: Thửa 96, tờ bản đồ số 12, diện tích 2.252,9m^2; thửa 116, tờ bản đồ số 12, diện tích 1.042,7m^2; thửa 190, tờ bản đồ số 12, diện tích 326,2m^2, các thửa đất tọa lạc Ấp X, xã Y, huyện Z, tỉnh Vĩnh Long. Yêu cầu chia cho bà T số tiền bán máy cày là 7.500.000đồng.

Bị đơn Thái Văn Bé C đề nghị không chấp nhận kháng cáo của bà T, giữ nguyên án sơ thẩm.

Người đại diện theo ủy quyền của bà S, bà Mi đề nghị không chấp nhận kháng cáo của bà T, giữ nguyên án sơ thẩm.

Vị Kiểm sát viên - Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Long phát biểu ý kiến về tính có căn cứ và hợp pháp việc kháng cáo của nguyên đơn Lê Thị T; về việc tuân theo pháp luật của những người tiến hành tố tụng và những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án ở giai đoạn phúc thẩm; Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát về phần bản án, quyết định sơ thẩm bị kháng cáo và đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự: Không chấp nhận yêu

cầu kháng cáo của nguyên đơn bà Lê Thị T; giữ nguyên án sơ thẩm. Bà T phải chịu án phí phúc thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Ngày 12/7/2021 nguyên đơn Lê Thị T kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn luật định. Nên đơn kháng cáo của bà T được xem xét theo thủ tục phúc thẩm theo quy định tại Điều 293 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Xét kháng cáo của nguyên đơn Lê Thị T yêu cầu chia đôi 03 thửa đất gồm: Thửa 96, tờ bản đồ số 12, diện tích 2.252,9m^2; thửa 116, tờ bản đồ số 12, diện tích 1.042,7m^2; thửa 190, tờ bản đồ số 12, diện tích 326,2m^2, các thửa đất tọa lạc Ấp X, xã Y, huyện Z, tỉnh Vĩnh Long. Hội đồng xét xử xét thấy: Tại Phiếu cung cấp thông tin tài liệu đất đai ngày 23/01/2017 của Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai huyện Z ghi nhận: thửa 96 nay là thửa 171-1, tờ bản đồ số 12, diện tích 2.252,9m^2; thửa 116 nay là thửa 171-2, tờ bản đồ số 12, diện tích 1.042,7m^2; thửa 190 nay là thửa 174, tờ bản đồ số 12, diện tích 326,2m^2 do hộ ông Bé C, bà T kê khai theo chương trình Vlap nhưng chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Tại biên bản ngày 18/11/2020, ông Nguyễn Minh Vương – Cán bộ địa Ch xã Phú Thịnh trình bày: Bà S không làm hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất cho ông Bé C, bà T, khi kê khai theo chương trình Vlap thì bà S cho kê khai nhưng đến khi bổ sung thủ tục cấp giấy thì bà S không cho kê khai mà yêu cầu hủy toàn bộ hồ sơ Vlap của ông Bé C, bà T và những người con khác. Tại Công văn số 418/CN.VPĐKĐĐ ngày 16/12/2020 của Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai huyện Z ghi nhận: các thửa đất nêu trên do UBND xã Phú Thịnh quản lý, chưa chuyển về Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện Z thực hiện thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Các thửa đất nêu trên hiện do bà Lê Thị S đứng tên quyền sử dụng đất. Mặc khác, bà S cũng không thừa nhận có tặng cho các thửa đất nêu trên cho ông Bé C, bà T. Bà T không có căn cứ chứng minh bà S có tặng cho đất cho ông Bé C, bà T. Trong thời gian sống chung với bà S, ông Bé C, bà T canh tác các thửa đất do bà S đứng tên để tạo ra thu nhập, phục vụ cho cuộc sống hằng ngày của gia đình, ông Bé C, bà T không có tôn tạo, tạo lập thêm ruộng đất do đó chưa đủ cơ sở để tính công sức đóng góp của bà T trong việc tạo lập quyền sử dụng đất này. Do đó, không chấp nhận yêu cầu của bà T về việc yêu cầu chia đôi thửa đất thửa 96 nay là thửa 171-1; thửa 116 nay là thửa 171-2; thửa 190 nay là thửa 174.

[3] Đối với yêu cầu của bà T về việc yêu cầu ông Bé C chia cho bà T số tiền bán máy cày hiệu Kubota L3602DT với số tiền 7.500.000đồng là không có căn cứ chấp nhận. Bởi vì: Bà T cho rằng máy cày hiệu Kubota L3602DT là tài sản ông Bé C hùn vốn mua với bà S, ông T, tuy nhiên bà T không biết mỗi người hùn bao nhiêu tiền, máy mua thời gian nào, giá bao nhiêu, mỗi năm thu lợi từ máy cày bao nhiêu và mỗi người được hưởng bao nhiêu tiền. Trong khi đó, bà S, ông Bé C, ông T cũng không thừa nhận ông Bé C, ông T có hùn tiền với bà S để mua máy cày, máy cày do bà S mua sau đó giao cho ông Bé C, ông T sử dụng. Bà T không có chứng cứ chứng minh ông Bé C có hùn tiền mua máy cày.

Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử thống nhất không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà T; Giữ nguyên án sơ thẩm.

[4] Về án phí phúc thẩm: Bà T phải chịu án phí phúc thẩm theo khoản 1 Điều 148 của Bộ luật tố tụng dân sự và khoản 1 Điều 29 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[5] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm về chi phí khảo sát, đo đạc, thẩm định tại chỗ và định giá tài sản; về án phí sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn Lê Thị T; Giữ nguyên Bản án sơ thẩm số: 72/2021/HNGĐ-ST ngày 01 tháng 7 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện Z, tỉnh Vĩnh Long.

Căn cứ vào khoản 1 Điều 148 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; khoản 1 Điều 29 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Lê Thị T về việc yêu cầu ông Thái Văn Bé C chia đôi 03 thửa đất gồm: Thửa 96, tờ bản đồ số 12, diện tích 2.252,9m^2; thửa 116, tờ bản đồ số 12, diện tích 1.042,7m^2; thửa 190, tờ bản đồ

số 12, diện tích 326,2m^2, các thửa đất tọa lạc Ấp X, xã Y, huyện Z, tỉnh Vĩnh Long.

2. Về án phí phúc thẩm: Bà Lê Thị T phải chịu án phí phúc thẩm là 300.000đồng (Ba trăm ngàn đồng), nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp là 300.000đồng (Ba trăm ngàn đồng) theo biên lai số 0011177 ngày 15/9/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Z, tỉnh Vĩnh Long. Bà Lê Thị T đã nộp .

3. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm về chi phí khảo sát, đo đạc, thẩm định tại chỗ và định giá tài sản; về án phí sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời kháng cáo, kháng nghị.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- TANDTC: 01;
- VKSNDTVL: 02;
- TNV: 01;
- TAND H.TB: 01;
- Chi cục H. TB; 01;
- Đ/s: 10;
- Lưu hồ sơ vụ án: 06.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Tư